

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM**  
**VINASUN CORP.**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2015**



## MỤC LỤC



<b>I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY.....</b>	<b>1</b>
1. Tổng quan về Công ty.....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	1
3. Quá trình tăng vốn của Công ty.....	2
3.1 Vốn điều lệ.....	2
3.2 Vốn chủ sở hữu.....	3
4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
4.1 Các lĩnh vực hoạt động trong năm 2015 của Công ty bao gồm.....	3
4.2 Địa bàn kinh doanh.....	4
5. Thông tin về Mô hình Quản trị, Tổ chức Kinh Doanh và Bộ Máy Quản lý.....	4
5.1 Mô hình Quản trị và cơ cấu tổ chức của Công ty.....	4
5.2 Giới thiệu Hội đồng Quản trị.....	5
5.3 Giới thiệu Ban Kiểm soát.....	6
6. Mục tiêu và Chiến lược Phát triển.....	6
7. Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.....	7
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015 .....</b>	<b>7</b>
1. Kết quả thực hiện trong năm.....	7
2. Tổ chức và nhân sự.....	7
2.1 Danh sách Ban điều hành.....	7
2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên của Công ty:.....	9
3. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu của Công ty năm 2015 .....	9
4. Công tác đầu tư .....	9
5. Cơ cấu cổ đông .....	10
5.1 Số cổ phần sở hữu của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban điều hành. ....	10
5.2 Cơ cấu cổ đông.....	10
5.3 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5%.....	10
6. Năm 2015, Công ty đã đạt được các danh hiệu.....	11
<b>III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC: .....</b>	<b>12</b>
1. Đánh giá chung về hoạt động của Công ty trong năm 2015 .....	12
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	13
3. Những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2015 .....	14
3.1 Nguồn nhân lực .....	14

3.2	Chính sách đầu tư xe: .....	14
3.3	Phát triển hệ thống khách hàng tại các điểm tiếp thị.....	15
3.4	Thu hút khách hàng qua tổng đài 38 27 27 27 .....	15
3.5	Nhân tố Doanh thu và chi phí chủ yếu .....	15
3.6	Nhân tố khác: .....	16
<b>4.</b>	<b>Tình hình tài chính của công ty .....</b>	<b>16</b>
4.1	Tình hình tài sản .....	16
4.2	Tình hình vốn của công ty .....	16
4.3	Các chỉ số tài chính của công ty .....	17
<b>5.</b>	<b>Bảng giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán .....</b>	<b>18</b>
<b>6.</b>	<b>Kế hoạch kinh doanh 2016 .....</b>	<b>18</b>
6.1	Số lượng xe đầu tư – thanh lý .....	18
6.2	Các hoạt động triển khai trong năm 2016: .....	19
6.3	Kế hoạch doanh thu kinh doanh 2016:.....	19
6.4	Kế hoạch lợi nhuận năm 2016:.....	19
<b>IV.</b>	<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>20</b>
1.	Đánh giá chung hoạt động kinh doanh năm 2015 .....	20
2.	Đánh giá thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị .....	21
3.	Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý .....	21
4.	Mục tiêu và kế hoạch 2016 .....	22
<b>V.</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>22</b>
1.	Thành viên Hội đồng Quản trị .....	22
2.	Thành viên Ban Kiểm soát.....	24
3.	Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát .....	25
4.	Giao dịch của cổ đông nội bộ.....	25
5.	Quản trị rủi ro.....	25

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM**  
**NĂM 2015**

—  —

**I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY:**

**1. Tổng quan về Công ty:**

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM**
- Tên giao dịch đối ngoại: **VIETNAM SUN CORPORATION**
- Tên viết tắt: **VINASUN CORP.**
- Mã Chứng khoán **VNS**
- Địa chỉ: **648 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh**
- Điện thoại: **(84.8) 38.277.178 – (84.8) 38.27.27.27**
- Fax: **(84.8) 39 526 410**
- Website: **<http://www.vinasuncorp.com>**
- Mã số thuế: **0302035520**

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

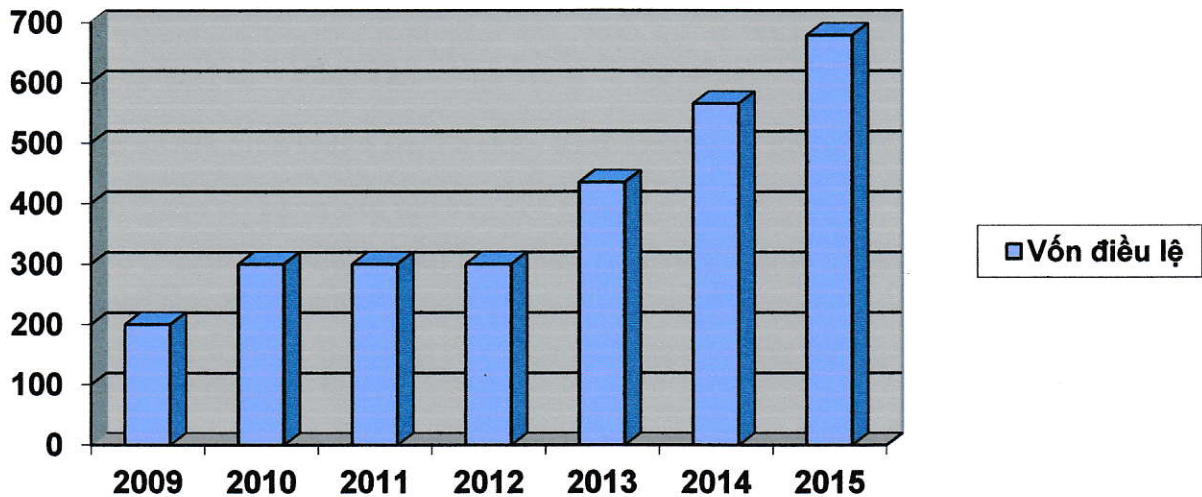
- Tiền thân của Công ty là Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Lữ hành Tư Vấn Đầu Tư Ánh Dương Việt Nam, được thành lập vào ngày 15/6/1995, với vốn điều lệ là 300 triệu đồng. Giấy phép kinh doanh số: 052184 do Sở Kế hoạch và đầu tư cấp với hoạt động chính là kinh doanh ăn uống và du lịch nội địa.
- Ngày 27/01/2003, hoạt động kinh doanh Taxi được chính thức đưa vào hoạt động với thương hiệu TAXI VINASUN với số lượng xe ban đầu là 27 chiếc.
- Ngày 17/7/2003, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam với vốn điều lệ là 8 tỷ đồng. Giấy phép đăng ký kinh doanh: 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.
- Đến cuối 2005: Số lượng xe của Công ty đã tăng lên 670 chiếc và hoạt động chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 25/5/2006, Công ty tăng vốn điều lệ lên 16 tỷ đồng để đầu tư thêm xe mới cho hoạt động dịch vụ Taxi. Số lượng xe cuối năm 2006 đã tăng lên 1.085 chiếc.
- Tháng 8/2007, Công ty phát hành thêm 84 tỷ đồng mệnh giá để tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng nhằm tái cơ cấu lại nợ vay và đầu tư thêm xe trong năm 2007.
- Tháng 10/2007, Công ty phát hành thêm 70 tỷ đồng mệnh giá cho các nhà đầu tư lớn, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100 tỷ lên 170 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã thu về 1 khoản vốn thặng dư 328 tỷ đồng trong đợt phát hành này.

- Năm 2007: Công ty phát triển thêm hoạt động của mình tại Bình Dương. Số lượng xe cuối năm đã tăng lên 1.356 chiếc.
- Ngày 29/7/2008, Công ty chính thức niêm yết 17 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán TP HCM với mã Chứng khoán là VNS.
- Năm 2008: Công ty mở rộng hoạt động tại Đồng Nai, số xe cuối năm là 2.171 chiếc.
- Năm 2009: Công ty đã thay đổi Logo, nhãn hiệu nhận diện và mẫu xe mới, số xe cuối năm đã tăng lên 2.845 chiếc.
- Tháng 6/2010, Công ty hoàn thành việc tăng vốn lên 299.999.970.000 đồng thông qua việc phát hành 9.999.997 cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn thặng dư của Công ty.
- Trong năm 2010: Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động của mình tại Vũng Tàu và Đà Nẵng và tập trung phát triển đầu xe, nâng số xe cuối năm lên 4.040 chiếc.
- Năm 2011 và 2012, Công ty đã tiến hành trang bị hệ thống thanh toán online trên xe và tiếp tục phát triển đầu xe tại các địa bàn kinh doanh. Số xe cuối năm 2012 đã tăng lên 4.622 chiếc.
- Tháng 7/2013, Công ty hoàn thành việc tăng vốn lên 404.998.180.000 đồng.
- Tháng 12/2013, Công ty phát hành thêm 30 tỷ đồng mệnh giá cho nhà đầu tư lớn, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 404.998.180.000 đồng lên **434.998.180.000 đồng**.
- Đến 31/12/2013: Vốn điều lệ của Công ty là 434.998.180.000 đồng và vốn chủ sở hữu của công ty là **1.153,4 tỷ**.
- Tháng 6/2014, Công ty hoàn thành việc tăng vốn lên 565.495.160.000 đồng, Công ty cũng đã mở rộng ra thị trường Nha Trang trong năm.
- Tháng 7/2015, Công ty hoàn thành việc tăng vốn lên 678.591.920.000 đồng.
- Từ 27 chiếc xe Taxi ban đầu vào năm 2003, sau hơn 12 năm hoạt động đến cuối năm 2015, Công ty đã phát triển đội xe của mình lên 6.141 chiếc với hơn 17 ngàn lao động và đang hoạt động tại TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Vũng Tàu, Đà Nẵng và Nha Trang

### 3. Quá trình tăng vốn của Công ty:

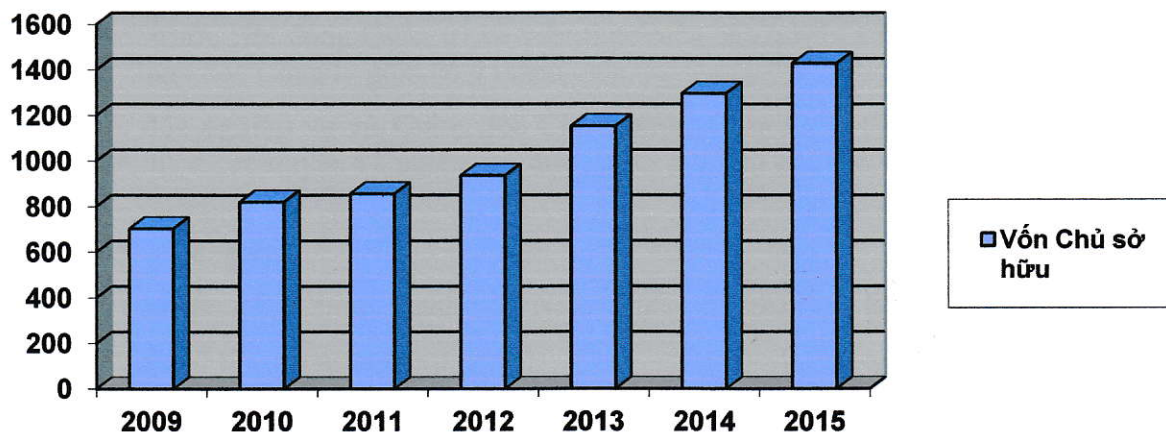
#### 3.1 Vốn điều lệ:

Năm	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Vốn điều lệ (tỷ)	200	300	300	300	435	565,5	678,6
% Tăng trưởng	17.6%	50%	0	0	45%	30%	20%



### 3.2 Vốn chủ sở hữu (tỷ):

Năm	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Vốn chủ sở hữu	703,4	819,9	855,8	<b>936,22</b>	<b>1.153,4</b>	<b>1.296,54</b>	<b>1.428,63</b>
% Tăng trưởng	32,1%	16,47%	4,37%	<b>9,39%</b>	<b>23,2%</b>	<b>12,4%</b>	<b>10,18%</b>



## 4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

### 4.1 Các lĩnh vực hoạt động trong năm 2015 của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh vận tải bằng xe Taxi: Thương hiệu VINASUN TAXI.
- Kinh doanh du lịch, xe hợp đồng, dịch vụ vé máy bay: Thương hiệu VINASUN TRAVEL.
- Các hoạt động khác.

#### 4.2 Địa bàn kinh doanh:

Các thị trường mà Vinasun đang hoạt động hiện nay là: Thành Phố Hồ Chí Minh – Bình Dương – Đồng Nai – Vũng Tàu – Nha Trang và Đà Nẵng.

### 5. Thông tin về Mô hình Quản trị, Tổ chức Kinh Doanh và Bộ Máy Quản lý:

#### 5.1 Mô hình Quản trị và cơ cấu tổ chức của Công ty:

Công ty được tổ chức hoạt động dưới hình thức mô hình Công ty Cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, cơ cấu gồm có:

- **Đại hội đồng Cổ đông:** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực và có quyết định cao nhất.
- **Hội Đồng Quản Trị:** Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị gồm 07 thành viên. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có nhiệm kỳ tối đa là 5 năm và có thể được bầu lại tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông tiếp theo. Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Đại hội Cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Ban Kiểm soát:** Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các Cổ đông. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm do ĐHCĐ bầu ra.
- **Ban Tổng Giám đốc:** Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm có 9 thành viên.
- **Ban Giám đốc nghiệp vụ và Giám đốc Chi nhánh:** Quản lý và tổ chức điều hành kinh doanh, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao dưới sự chỉ đạo trực tiếp từ Ban Tổng Giám đốc

#### Công ty con của Công ty:

- Công ty cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam (Vinasun Green) tại Đà Nẵng.
- Vốn điều lệ: 40 tỷ ( Vinasun Corp: 90%).
- Kinh doanh chính: Dịch vụ Taxi.

#### Chi nhánh của Công ty: 16 chi nhánh

- 12 chi nhánh tại TP HCM
- Chi nhánh Vũng Tàu
- Chi nhánh Bình Dương
- Chi nhánh Đồng Nai
- Chi nhánh Khánh Hòa
- 3 Xưởng sửa chữa tại TP Hồ chí Minh

**5.2 Giới thiệu Hội đồng Quản trị**

Số TT	Chức vụ	Tên thành viên
1	<b>Chủ tịch Hội Đồng quản Trị</b>	<b>Ông Đặng Phước Thành</b>
2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Bà Đặng Thị Lan Phương
3	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Ông Trần Anh Minh
4	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Ông Trương Đình Quý
5	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Ông Tạ Long Hỷ
6	Thành viên HĐQT	Ông Trần Văn Bắc
7	Thành viên HĐQT	Ông Vũ Ngọc Anh

**Tóm tắt lý lịch của các Thành viên trong Hội Đồng Quản trị Công ty:**

<b>Ông Đặng Phước Thành</b> Sinh năm 1957 <b>Chủ tịch HĐQT</b>	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	<b>Chủ tịch HĐQT Công ty</b> Cử nhân Sinh Hóa – Chủ tịch Hội Doanh nghiệp Quận I, Tp. HCM – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Dịch vụ Du lịch Mê Kông
<b>Bà Đặng Thị Lan Phương</b> Thành viên HĐQT		(Công bố ở phần Ban điều hành)
<b>Ông Trần Anh Minh</b> Thành viên HĐQT		(Công bố ở phần Ban điều hành)
<b>Ông Trương Đình Quý</b> Thành viên HĐQT		(Công bố ở phần Ban điều hành)
<b>Ông Tạ Long Hỷ</b> Thành viên HĐQT		(Công bố ở phần Ban điều hành)
<b>Ông Trần Văn Bắc</b> Sinh năm 1958 Thành viên HĐQT	Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Cử nhân Chính trị Phó Tổng Giám Đốc Tổng Công ty TM Sài Gòn (Satra)
<b>Ông Vũ Ngọc Anh</b> Sinh năm 1973 Thành viên HĐQT	Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Thạc sĩ Kinh tế Phụ trách đầu Tư , Công t Quản lý Quỹ Đầu tư VIF

(Theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc Công bố Thông tin trên thị trường chứng khoán)



**5.3 Giới thiệu Ban Kiểm soát**

Số TT	Chức vụ	Tên thành viên
1	Trưởng Ban Kiểm soát	Bà Mai Thị Kim Hoàng
2	Thành viên Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Anh Tùng
3	Thành viên Ban Kiểm soát	Ông Huỳnh Văn Tương

**Tóm tắt lý lịch của các Thành viên trong Ban Kiểm soát Công ty:**

<b>Bà Mai Thị Kim Hoàng</b> Sinh năm 1963 <b>Trưởng Ban Kiểm soát</b>	Chức vụ hiện tại:  Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Giám Đốc Cty CP Du lịch Mê Kông.  Cử nhân Kinh Tế – Cử nhân Luật.  Không.
<b>Ông Nguyễn Anh Tùng</b> Sinh năm 1972 Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ hiện tại:  Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Kế toán trưởng - Tổng Công ty CP Thương Mại Sài Gòn.  Thạc sỹ Kinh tế. - Trưởng ban kiểm soát Công ty CP KD Thủy Hải Sản. - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Savimex. - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Imexco. - Thành viên HĐQT Quản trị Công ty CP Bao Bì Sài Gòn. - Thành viên HĐQT CTCP CK Rồng Việt.
<b>Ông Huỳnh Văn Tương</b> Sinh năm 1957 Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ hiện tại:  Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	- Trưởng BKS Taxi – Công ty CP Ánh Dương VN.  Cao đẳng Không

**6. Mục tiêu và Chiến lược Phát triển**

- **Tập trung vào ngành nghề chính:** Dịch vụ vận tải Taxi, du lịch
  - Trở thành Hãng Taxi hàng đầu của Việt Nam trong tương lai.

- Củng cố, giữ vững và gia tăng thị phần tại các địa bàn kinh doanh sẵn có.
  - Tái cấu trúc công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả đảm bảo khả năng cơ động trong việc đa dạng hóa các loại hình kinh doanh và phương thức kinh doanh.
  - Mở rộng và phát triển địa bàn kinh doanh trên cả nước khi chuẩn bị đầy đủ các điều kiện và khi nền kinh tế đã phục hồi và phát triển.
  - Nâng cao chất lượng dịch vụ: Thường xuyên thay thế xe mới phù hợp với thị hiếu của khách hàng, thiết lập các tiện ích trên xe như LCD, hệ thống thanh toán Online, Áp dụng hệ thống quản lý và điều hành xe thông qua GPS, hệ thống đặt chỗ và điều hành xe tự động thông qua ứng dụng trên smartphone (Vinasun App), máy in hóa đơn cho khách hàng, hệ thống đặt chỗ qua tổng đài và điều xe qua tin nhắn.
- **Mở rộng và đa dạng hoá các loại hình kinh doanh:** khai thác các dịch vụ vận tải khác: hợp đồng – du lịch
  - **Xây dựng và phát triển văn hoá doanh nghiệp:** Văn minh – Lịch sự – Chuyên nghiệp
- 7. Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty**  
Chi tiết tại mục Quản trị rủi ro (Mục V.5)

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015:

### 1. Kết quả thực hiện trong năm

- Công ty đã thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nâng tổng số vốn điều lệ cuối năm lên 678,6 tỷ đồng, tăng 1,2 lần so với đầu năm.
- Năm 2015, phần mềm đặt xe - điều xe thông minh cho khách hàng thông qua Smartphone và điện thoại thường (Vinasun App) cùng hệ thống quản lý hiện đại đã được công ty đầu tư và triển khai cho toàn bộ xe ở tất cả các địa bàn mà công ty kinh doanh đã khẳng định Công ty đã kịp thời ứng dụng công nghệ vào quản lý và kinh doanh.
- Đã trang bị đầy đủ POS (hệ thống thanh toán online) trên toàn bộ hệ thống xe của Công ty.

### 2. Tổ chức và nhân sự:

#### 2.1 Danh sách Ban điều hành

<b>Bà Đặng Thị Lan Phương</b> Sinh năm 1969 Thành viên HĐQT Tổng Giám Đốc	Chức vụ hiện tại:  Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	- Thành viên HĐQT - <b>Tổng Giám Đốc</b> Trung cấp TCKT Không
<b>Ông Tạ Long Hỷ</b> Sinh năm 1951 Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	Chức vụ hiện tại:  Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	- Thành viên HĐQT - <b>Phó TGD Thường trực kiêm Giám đốc Taxi</b> Cao học Luật Không

<b>Ông Huỳnh Văn Sỹ</b> Sinh năm 1957 Phó Tổng Giám Đốc	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	<b>- Phó TGDĐ Tổ chức Hành Chánh</b> Trung cấp kinh tế Không
<b>Ông Đặng Thành Duy</b> Sinh năm 1984 Phó Tổng Giám Đốc	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	<b>- Phó Tổng Giám đốc Đối Ngoại và Phát triển</b> Cử Nhân Kinh tế Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Cty CP Ánh Dương Xanh (Vinasun Green)
<b>Ông Trương Đình Quý</b> Sinh năm 1959 Phó Tổng Giám Đốc	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	- Thành viên HĐQT <b>- Phó Tổng GD Quản trị Chất lượng</b> - Thạc sỹ khoa học giáo dục – Cử nhân Luật - Cử nhân KTCT Không
<b>Ông Nguyễn Bảo Toàn</b> Sinh năm 1976 Phó Tổng Giám Đốc	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	<b>- Phó Tổng Giám đốc Marketing</b> - Cử Nhân Kinh Tế - Cử Nhân Ngoại Ngữ Không
<b>Ông Trần Anh Minh</b> Sinh năm 1965 Phó Tổng Giám Đốc	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Thành viên Hội đồng Quản trị <b>- Phó Tổng Giám đốc Kế hoạch Đầu tư</b> Cử nhân Tài Chánh Không
<b>Bà Đặng Phước Hoàng Mai</b> Sinh năm 1974 Phó Tổng Giám Đốc	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	<b>- Phó Tổng Giám đốc Dịch vụ Du lịch</b> - Cử nhân Kinh Tế - Cử nhân Luật Không
<b>Ông Nguyễn Trọng Duy</b> Sinh năm 1965 Phó Tổng Giám Đốc	Chức vụ hiện tại: Trình độ chuyên môn: Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	<b>- Phó Tổng Giám đốc Điều hành Taxi</b> - Cử nhân Kinh tế Không

Trong năm không có sự thay đổi về Ban điều hành

## 2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên của Công ty:

- Tổng số cán bộ, nhân viên công ty đến 31/12/2015 là **17.047 người** trong đó:  
**Công ty Mẹ: 16.151 người**

CHỈ TIÊU		
	Số lượng	Tỷ trọng
<b>Phân theo phân công lao động</b>		
1. Gián tiếp	731	4,53%
2. Trực tiếp điều hành và hỗ trợ kinh doanh	2.528	15,65%
3. Trực tiếp kinh doanh	12.892	79,82%
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.151</b>	<b>100 %</b>

- Tổng số Cán bộ, Nhân viên công ty VinaSun Green: **896 người**.

## 3. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu của Công ty năm 2015: (tỷ đồng)

Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện		So sánh thực hiện 2015 với	
		2014	2015	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015
Tổng Doanh thu kinh doanh	<b>3.888</b>	<b>3.770,22</b>	<b>4.252,1</b>	112,78 %	<b>109,36 %</b>
Thu nhập khác	<b>155,3</b>	<b>116,42</b>	<b>176,77</b>	151,83 %	<b>113,82 %</b>
Lợi nhuận sau thuế công ty Mẹ	<b>266</b>	<b>312,99</b>	<b>328,26</b>	104,87 %	<b>123,40%</b>
Số xe đầu tư	<b>1.100</b>	<b>1.246</b>	<b>1.217</b>	97,67 %	<b>110,63 %</b>
Số xe thanh lý	<b>700</b>	<b>475</b>	<b>805</b>	169,47 %	<b>115%</b>

## 4. Công tác đầu tư:

- Công ty Mẹ đã đầu tư 1.177 chiếc, thanh lý 805 chiếc, nâng tổng đầu xe của Công ty Mẹ cuối năm 2015 lên 5.841 chiếc.
- Trong năm Công ty con (Vinasun Green) đã đầu tư thêm 40 chiếc, nâng tổng số xe cuối năm lên 300 chiếc tại TP Đà Nẵng.

- Đến cuối năm 2015, Tổng số xe của Công ty là 6.141 chiếc, tăng 7,2% so với đầu năm.
- Năm 2015, Công ty đã đầu tư và đưa vào ứng dụng phần mềm kết nối khách hàng hiện đại thông qua điện thoại thông minh hoặc điện thoại thường (Vinasun App), nâng cấp hệ thống tổng đài cũng như vận hành hệ thống quản lý hiện đại vào kinh doanh cũng như quản lý đã được khách hàng và nhân viên tin tưởng, ủng hộ.

### 5. Cơ cấu cổ đông

Căn cứ vào danh sách cổ đông đã được chốt lại vào ngày 28/3/2016: Tổng số cổ đông là 1.368 người.

Tổng số CP đang niêm yết	<b>67.859.192</b>
Cổ phiếu quỹ	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>67.859.192</b>

5.1 Số cổ phần sở hữu của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban điều hành (đến 28/3/2016): chiếm 30,32% vốn điều lệ.

5.2 Cơ cấu cổ đông: đến 28/3/2016:

	Số Cổ đông	Tỷ lệ %
Cổ đông nội bộ (HĐQT, BKS và Ban Điều hành)	12	30,32 %
Cá nhân trong nước	1.224	10,56 %
Tổ chức trong nước	25	11,50 %
Cá nhân nước ngoài	65	0,45%
Tổ chức nước ngoài	42	47,17 %
Cổ phiếu Quỹ (VNS)	0	0 %
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.368</b>	<b>100%</b>

5.3 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5%: đến 28/3/2016

	Tỷ lệ %
Ông Đặng Phước Thành	22,19%
Ông Đặng Thành Duy	7,97%
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn (SATRA)	7,91%
Government of Singapore	7,96%
Tael Two Partners Ltd	18,30%
<b>Tổng cộng</b>	<b>64,33 %</b>

**6. Năm 2015, Công ty đã đạt được các danh hiệu sau:**

STT	GIẢI THƯỞNG	NHẬN	Đơn vị Trao giải
1	Huân chương lao động hạng 3	Vinasun Corp.	Chủ tịch nước
2	Huân chương lao động Hạng 3	Chủ tịch HĐQT Công ty <b>Đặng Phước Thành</b>	Chủ tịch nước
3	Top 50 nhà lãnh đạo doanh nghiệp	Vinasun Corp	Tạp chí Nhip cầu đầu tư
4	Top 200 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Châu Á – Thái Bình Dương có doanh thu dưới 1 tỷ USD	Vinasun Corp	Tạp Chí Forbes
5	Giải thưởng “Doanh nhân văn hóa vì sự nghiệp và phát triển đất nước”	Chủ tịch HĐQT Công ty <b>Đặng Phước Thành</b>	VCCI
6	Top 10 hãng vận chuyển du lịch hàng đầu TP.HCM	Vinasun Corp.	Sở Du lịch & Thể thao TP HCM
7	Nữ Doanh nhân Việt Nam - Biểu tượng Hoa sen vàng	Tổng Giám Đốc Công ty <b>Đặng Thị Lan Phương</b>	Trung tâm Văn hóa Doanh nhân
8	Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất VN 2015	Vinasun Corp. xếp hạng thứ 19	Tạp chí Nhip cầu đầu tư
9	Danh hiệu Global Ethics - Đại sứ Đạo đức toàn cầu Unesco 2015	Vinasun Corp.	Trung tâm Unesco VN
10	Doanh nghiệp TP HCM tiêu biểu 2015	Vinasun Corp	Hiệp hội Doanh nghiệp TP HCM
11	Giải thưởng “Vô lăng vàng năm 2015”	Vinasun Corp.	Ủy Ban An Toàn Giao Thông Quốc Gia
12	Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất VN 2015	Vinasun Corp. xếp hạng 166 theo mã số thuế và 170 theo báo cáo hợp nhất	Vietnam Report và Tổng Cục Thuế
13	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất VN 2015	Vinasun Corp. Xếp hạng thứ 260	Vietnam Report và Báo VietnamNet

14	Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất VN năm 2015	Vinasun Corp. xếp hạng thứ 92	Vietnam Report và Báo VietnamNet
15	Thương hiệu Việt được yêu thích nhất	Vinasun Corp.	Bạn đọc báo Sài Gòn Giải Phóng

### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

#### 1. Đánh giá chung về hoạt động của Công ty trong năm 2015:

Năm 2015, Việt Nam là một trong số ít quốc gia có tốc độ tăng trưởng GDP khá ấn tượng (tăng khoảng 6,68% so với năm 2014), đã ổn định kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính, lạm phát đã giảm (chỉ tăng 0,63% so với năm 2014) cũng như nợ xấu ngân hàng được kiểm soát. Tuy nhiên việc mất cân đối nguồn thu ngân sách do giá dầu giảm và sức mua hàng hóa dịch vụ trên thị trường vẫn chưa khởi sắc đã tác động không nhỏ đến quá trình phục hồi các hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế.

Trong năm qua, Công ty Vinasun tiếp tục tăng trưởng mọi mặt dựa trên nền tảng kế thừa và tích lũy từ các năm trước cũng như tận dụng các yếu tố tích cực mà nền kinh tế vĩ mô mang lại. Tuy nhiên, Công ty cũng đã gặp rất nhiều thách thức trong kinh doanh như: 18 lần thay đổi giá xăng dầu, sức mua trên thị trường chưa phục hồi, phát sinh rất nhiều các khoản phí, giá vật tư thay thế bảo dưỡng xe tăng và chi phí khác như lương cơ bản, phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tăng 15 % so với năm 2014.

Nghiêm trọng nhất là việc tham gia bất hợp pháp vào thị trường với các chiêu thức cạnh tranh không lành mạnh của các công ty nước ngoài như lợi dụng kẽ hở của các quy định hiện hành để kinh doanh taxi, hạ giá và nâng giá 1 cách phi lý, dùng tiền để hỗ trợ, bù lỗ cho chủ xe, không thực hiện các nghĩa vụ thuế... nhằm giành giật thị trường của các công ty Taxi. Vấn đề này gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của công ty bởi yếu tố bất bình đẳng trong việc tuân thủ các quy định pháp luật đối với ngành dịch vụ vận tải Taxi.

Để thực hiện hoàn thành mục tiêu mà Đại hội đồng Cổ đông đề ra. Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty chủ động đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp, đẩy mạnh việc củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy điều hành; thường xuyên triển khai chính sách nâng cao chất lượng dịch vụ phù hợp với diễn biến của thị trường và nhu cầu của khách hàng.

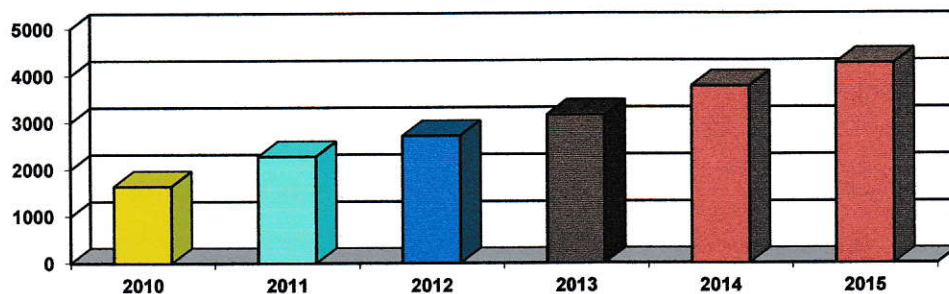
Công ty đã tập trung việc nghiên cứu đầu tư vào hệ thống phần mềm quản lý mới, nhanh chóng đưa Vinasun App và hệ thống tổng đài thông minh vào phục vụ khách hàng, tăng cường nâng cao chất lượng phục vụ của lái xe, điều chỉnh giá cước linh hoạt, tăng số lượng và chất lượng xe kinh doanh taxi. Bên cạnh đó, công ty cũng thường xuyên mở rộng, khai thác hiệu quả các kênh phục vụ khách hàng như hệ thống điểm tiếp thị trực tiếp và gián tiếp, nâng cao chất lượng chăm sóc và phát triển khách hàng thân thiết qua hệ thống thanh toán online.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 của Công ty tiếp tục tăng trưởng và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra so với năm 2014. Tổng doanh thu kinh doanh đạt **4.252,1 tỷ, tăng 12,78 %** so

với năm 2014 và vượt 9,36% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 328,26 tỷ đồng, tăng 4,88 % so với năm 2014 và vượt 23,4% so với kế hoạch.

### Kết quả hoạt động kinh doanh 2015

- Trong năm 2015, hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục phát triển. Tổng Doanh thu đạt 4.252,1 tỷ đồng, tăng 12,78% so với năm 2014.



(Tỷ đồng)

	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Doanh thu kinh doanh	1.643,7	2.274,3	2.713,3	3.158,06	3.770,22	4.252,1
Tăng /giảm so với năm trước	575,1	630,6	439	444,76	612,16	481,88
% Tăng /giảm	53,8%	38,36%	19,3%	16,4%	19,38%	12,78%

### 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện		So sánh thực hiện 2015 với	
		2014	2015	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015
I Tổng Doanh thu và thu nhập khác, trong đó:	4.043,3	3.886,64	4.428,87	113,95%	109,53%
1) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	3.888	3.770,22	4.252,1	112,78%	109,36%
(Trong đó: DT của Cty con)	140	135,98	174,1	128%	124,35%



2)	Thu nhập khác (thanh lý xe và TN khác)	155,3	<b>116,42</b>	<b>176,77</b>	151,83%	<b>113,82%</b>
II	<b>Tổng Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>341,04</b>	<b>408,51</b>	<b>428,04</b>	104,78%	<b>125,5%</b>
	LN trước thuế từ hoạt động kinh doanh	226,94	<b>318,09</b>	283,08	88,99%	<b>124,73%</b>
	LN trước thuế từ thu nhập khác	114,1	<b>90,42</b>	144,96	160,32%	<b>127%</b>
III	<b>Tổng Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>266</b>	<b>312,99</b>	<b>328,26</b>	104,88%	<b>123,4%</b>
IV	<b>Số xe đầu tư</b>	<b>1.100</b>	<b>1.246</b>	<b>1.217</b>	97,67%	<b>110,63%</b>
V	<b>Số xe thanh lý</b>	<b>700</b>	<b>475</b>	<b>805</b>	169,47%	<b>115%</b>

### 3. Những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2015:

#### 3.1 Nguồn nhân lực:

- Việc đầu tư phát triển nguồn nhân lực được Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt chú trọng. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho các cấp quản lý và các nhân viên các phòng ban và đặc biệt là cho người lao động trực tiếp. Bên cạnh đó, việc đào tạo tiếng Anh cơ bản cho đội ngũ anh em lái xe là việc làm thường xuyên của Phòng đào tạo.
- Công ty luôn luôn có 1 đội ngũ dự bị có tay nghề cao, nhiều kinh nghiệm và được Công ty tái đào tạo về tay nghề và phong cách phục vụ, đây là điểm mạnh của Công ty trong việc chủ động điều tiết kế hoạch phát triển kinh doanh của mình.
- Trong năm 2015, Công ty tiếp tục tái cơ cấu tổ chức, đầu tư cho công tác đào tạo và tái đào tạo, thu hút nhân tài, xây dựng môi trường và phong cách làm việc thực sự chuyên nghiệp, hiệu quả làm nền tảng cho hoạt động kinh doanh của Công ty luôn tăng trưởng một cách bền vững.

#### 3.2 Chính sách đầu tư xe:

- Với việc thường xuyên thay thế xe cũ và đầu tư xe mới liên tục đã tương đối đảm bảo số lượng xe phục vụ của Vinasun trong địa bàn kinh doanh của mình, đảm bảo chất lượng xe đồng đều là nhân tố quan trọng để Vinasun tiếp tục phát triển và chiếm lĩnh được thị phần trong tương lai.
- Hiện nay xe Vinasun đã phủ đều trên khắp các tuyến đường và sẵn sàng phục vụ khách hàng mọi lúc, mọi nơi tại các địa bàn kinh doanh của mình.

### 3.3 Phát triển hệ thống khách hàng tại các điểm tiếp thị:

- Do đánh giá tương đối chính xác nhu cầu của thị trường và đưa ra phương hướng hoạt động phù hợp nên năm qua Công ty đã phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng vượt tất cả chỉ tiêu đưa ra đầu năm 2015.
- Trong năm qua, số lượng khách hàng cố định (sử dụng Taxi card và Membership card trả sau) đã tăng 12,3 % so với năm 2014
- Các điểm tiếp thị đã đóng góp quan trọng vào việc phục vụ khách hàng với 14,84 triệu lượt khách (tăng 10,17 % so với năm 2014).

### 3.4 Thu hút khách hàng qua tổng đài 38 27 27 27:

- Với ưu thế về hệ thống tổng đài 38 27 27 27 được phủ sóng trên toàn bộ khu vực kinh doanh của Công ty là TP HCM, Bình Dương, Đồng Nai. Trong năm qua, Tổng đài 38 27 27 27 đã được khách hàng tín nhiệm. Cùng với việc đáp ứng đủ đầu xe để phục vụ khách hàng nhanh chóng đã tạo điều kiện cho khách hàng thường xuyên sử dụng tổng đài trên để yêu cầu phục vụ.
- Với việc nâng cấp và triển khai tổng đài thông minh, ứng dụng phần mềm mới và công nghệ thông tin trong quản lý và kết nối khách hàng đã nâng cao hiệu suất hoạt động, nâng cao khả năng hỗ trợ và kiểm soát của hệ thống tổng đài trong quá trình thực hiện các chức năng và nghiệp vụ của mình.
- Bình quân năm 2015, mỗi ngày Tổng đài 38 27 27 27 của Vinasun nhận được 49.349 cuộc gọi, tăng 16,6 % so với bình quân năm 2014.

### 3.5 Nhân tố Doanh thu và chi phí chủ yếu:

- Giá xăng trong năm: Thay đổi 18 lần, 6 tháng đầu năm giá xăng liên tục tăng, 6 tháng cuối năm giá xăng giảm dần đến cuối năm là 16.400 đồng/lít, giảm 8,3% so với đầu năm. Khi xăng tăng giá, Công ty đã chủ động giữ giá cước và hỗ trợ thêm chi phí xăng cho anh em lái xe.
- Công ty không thay đổi giá cước trong suốt năm, chỉ giảm giá cước vào tháng 9/2015 Giá cước bình quân năm là 16.263 đ/km.
- Thuế trước bạ của xe ô tô là 10%.
- Lãi suất ngân hàng giảm dần xuống 8,8 % vào cuối năm.
- Thuế VAT của ngành Taxi là 10 % trong năm 2015.
- Lương tối thiểu và phí Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế tăng 15%, đồng thời cũng là yếu tố làm tăng các chi phí khác.
- Phí đường bộ 2.160.000 đồng/xe /năm.
- Các chi phí chủ yếu:
  - Chi phí khấu hao: chiếm 10,72% trên tổng doanh thu (Năm 2014 là 10,23%).
  - Chi phí lãi vay: chiếm 1,68% trên tổng doanh thu (Năm 2014 là 1,69 %).
  - Chi phí quản lý và điều hành chung: chiếm 18,62 % trên tổng doanh thu (Năm 2014: 17,76%).

**3.6 Nhân tố khác:**

- Nhu cầu sử dụng Taxi đã trở nên phổ biến và thường xuyên đối với đại đa số người tiêu dùng đã góp phần quan trọng trong việc phát triển doanh số kinh doanh của Công ty.
- Thương hiệu Vinasun với chất lượng phục vụ ngày càng hoàn thiện cùng với số lượng xe mới, đẹp, đồng chất và chiếm số lượng lớn bao phủ trên địa bàn hoạt động đã thu hút được khách hàng. Điều này góp phần vào việc hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra của Công ty trong năm 2015.

**4. Tình hình tài chính của công ty**
**4.1 Tình hình tài sản**

Tài sản	31/12/2014	31/12/2015	Tăng/giảm	% tăng/ giảm
<b>A- Tài sản ngắn hạn</b>	<b>401,9</b>	<b>399,81</b>	<b>- 2,09</b>	<b>- 0,52%</b>
<b>B- Tài sản dài hạn</b>	<b>2.033,62</b>	<b>2.382,73</b>	<b>+ 349,11</b>	<b>+ 17,16%</b>
a- Tài sản cố định	1.962,98	2.253,87	+ 290,89	+ 14,8 %
b- Bất động sản đầu tư	8,49	8,49	0	0 %
c- Đầu tư Tài chính	0	0		
d- Tài sản dài hạn khác	62,15	120,37	58,22	+ 93,67%
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>2.435,52</b>	<b>2.782,54</b>	<b>+ 347,02</b>	<b>+ 14,24 %</b>

**4.2 Tình hình vốn của công ty**

Nguồn vốn	31/12/2014	31/12/2015	Tăng/ giảm	% tăng/ giảm
<b>A- Nợ ngắn hạn, trong đó:</b>	<b>533,35</b>	<b>624,52</b>	<b>+ 91,17</b>	<b>+17,09%</b>
- Các khoản vay và nợ ngắn hạn	245,76	273,07	+ 27,31	+ 11,11%
- Vay dài hạn đến hạn trả	287,59	351,45	+63 ,86	+22,2%
<b>B-Nợ dài hạn ,trong đó</b>	<b>599,89</b>	<b>722,56</b>	<b>+ 122,67</b>	<b>+ 20,44 %</b>
+ Trả dài hạn khác	150,98	177,62	+26, 64	+ 17,64 %

+ Vay dài hạn ngân hàng	448,91	544,94	+ 96,03	+ 21,39%
<b>I-Tổng Nợ</b>	<b>1.133,24</b>	<b>1.347,08</b>	<b>+ 213,84</b>	<b>+ 18,87%</b>
<b>C- Vốn Chủ sở hữu</b>				
a-Vốn đầu tư	565,5	678,59	113,09	+20%
b-Thặng dư vốn	200,02	86,93	-113,09	-56,54%
c-Cổ phiếu Quỹ				
d-Các Quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	531,02	663,11	132,09	+ 24,87%
<b>II-Tổng Vốn Chủ sở hữu</b>	<b>1.296,54</b>	<b>1.428,63</b>	<b>132,09</b>	<b>+10,18%</b>
<b>III-Lợi ích Cổ đông thiểu số</b>	<b>5,74</b>	<b>6,83</b>	<b>1,09</b>	<b>+18,99%</b>
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>2.435,52</b>	<b>2.782,54</b>	<b>347,02</b>	<b>+ 14,24%</b>

#### 4.3 Các chỉ số tài chính của công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,75	0,64
Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{TSLĐ} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	Lần	0,74	0,63
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	Lần	0,465	0,484
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	Lần	0,874	0,938
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	1,548	1,528
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	24,1%	22,94%

(Theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc Công bố Thông tin trên thị trường chứng khoán)

Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	<b>8,32%</b>	<b>7,74%</b>
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	<b>12,89%</b>	<b>11,83%</b>
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	<b>8,43%</b>	<b>6,65%</b>
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ cuối năm	%	<b>55,34%</b>	<b>48,37%</b>
Giá trị sổ sách / 1 cổ phiếu lưu hành cuối năm		<b>22.927</b>	<b>21.052</b>

Báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán EY Việt Nam

### 5. Bảng giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán** và báo cáo kiểm soát nội bộ được gửi kèm báo cáo này gồm có:

1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015.
2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015.
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2015.
4. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2015.
5. Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM.
6. Báo cáo thẩm định tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Ban kiểm soát.

### 6. Kế hoạch kinh doanh 2016

Căn cứ vào phương hướng và mục tiêu cho năm 2016, kế hoạch kinh doanh được xây dựng như sau:

#### 6.1 Số lượng xe đầu tư – thanh lý:

- Đầu tư thêm tối thiểu 1.150 chiếc trong năm 2016
- Thanh lý 850 chiếc (nhằm đảm bảo chất lượng xe phục vụ).
- Khi các yếu tố hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Công ty đã ổn định, nhu cầu gia tăng ... Công ty sẽ chủ động điều chỉnh tăng số xe đầu tư và thanh lý cũng như mở rộng địa bàn trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh doanh của Công ty ở mức cao nhất

Loại xe	Số xe sở hữu đến 31/12/2015	Đầu tư Tối thiểu trong năm 2016	Thanh lý trong năm	Số xe sở hữu đến 31/12/2016
<b>4 chỗ</b> (Camry, Altis, Vios)	<b>2.080</b>	350	410	2.020
<b>7 chỗ</b> (Innova J, G, J mới, Fortuner)	<b>4.061</b>	800	440	4.421
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.141</b>	<b>1.150</b>	<b>850</b>	<b>6.441</b>
- Công ty Mẹ	<b>5.841</b>	1.150	850	6.141

(Theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc Công bố Thông tin trên thị trường chứng khoán)

-Công ty con	<b>300</b>	0		300
--------------	------------	---	--	-----

**6.2 Các hoạt động triển khai trong năm 2016:**

- Gia tăng khách hàng sử dụng thẻ thanh toán online trên tất cả các địa bàn , phối hợp với các Ngân hàng và các trung tâm thanh toán để phát hành các loại thẻ thanh toán đa dạng cùng với việc thanh toán không dùng tiền mặt thông qua ứng dụng Vinasun App .
- Nâng cấp hệ thống quản lý và điều hành xe thông qua GPS , hệ thống đặt chỗ và điều hành xe tự động thông qua ứng dụng trên smartphone ( Vinasun App ) , máy in hóa đơn cho khách hàng , hệ thống đặt chỗ qua tổng đài và điều xe qua tín nhắn
- Khai thác triệt để thế mạnh của hệ thống Tổng đài , kết nối tính năng hiện có với hệ thống phần mềm mới Nâng khả năng tiếp nhận và xử lý của Tổng đài 38 27 27 27 lên 60.000 cuộc gọi/ngày.
- Giữ vững và phát triển thêm các điểm tiếp thị chiến lược
- Thực hiện việc đa dạng hóa phương thức và loại hình kinh doanh .
- Thực hiện việc cơ cấu lại số lượng và chủng loại xe tại các địa bàn kinh doanh

**6.3 Kế hoạch doanh thu kinh doanh 2016:**

Hoạt động kinh doanh	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	% so với 2015
- Công ty Mẹ	<b>4.078,0</b>	4.145	101,64%
- Công ty con	<b>174,1</b>	180	103,38%
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.252,1</b>	<b>4.325</b>	<b>101,71%</b>

**6.4 Kế hoạch lợi nhuận năm 2016:**
**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ LỢI NHUẬN NĂM 2016**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	% tăng/ giảm
-Doanh thu từ Hoạt động KD Vinasun Corp	<b>4.078</b>	4.145	101,64%
-Doanh thu từ Hoạt động KD Vinasun Green	<b>174,1</b>	180	103,38%
<b>I- Tổng Doanh thu Kinh doanh</b>	<b>4.252,1</b>	<b>4.325</b>	<b>101,71%</b>
- Thu nhập khác (thanh lý & thu nhập khác)	<b>176,77</b>	169,6	95,97%
<b>II-Tổng Doanh thu &amp; Thu nhập</b>	<b>4.428,87</b>	<b>4.494,6</b>	<b>101,48%</b>
<b>III- Tổng Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>428,04</b>	<b>330</b>	<b>77,1%</b>
+ Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động KD	283,08	<b>220,5</b>	<b>77,9%</b>
+ Lợi nhuận trước thuế từ thu nhập khác	144,96	<b>109,5</b>	<b>75,54%</b>

(Theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc Công bố Thông tin trên thị trường chứng khoán)

IV- Tổng lợi nhuận sau thuế	328,26	264	80,42%
-----------------------------	--------	-----	--------

#### IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

##### 1. Đánh giá chung hoạt động kinh doanh năm 2015:

Năm 2015 tiếp tục là một năm đầy khó khăn, thách thức đối với toàn bộ nền kinh tế Việt Nam, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu nhiều áp lực từ những bất ổn của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để. Vẫn còn những tồn tại, thách thức rất nặng nề, có thể còn kéo dài trong thời gian tới do Việt Nam đang tham gia lộ trình hội nhập đơn phương, đa phương ngày càng sâu, rộng với nền kinh tế thế giới. Mặt khác, đối với ngành giao thông vận tải hành khách bằng taxi, năm 2015 còn là một năm đầy sóng gió, vừa chịu sự điều chỉnh của hàng loạt quy định pháp luật mới ban hành, vừa phải đương đầu với áp lực cạnh tranh không lành mạnh của những hoạt động kinh doanh taxi không đúng quy định pháp luật, môi trường kinh doanh chưa thực sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong nước, giữa doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp Nhà nước, giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

Trong tình hình đó, với vai trò quản trị, định hướng và giám sát Công ty, Hội đồng quản trị với sự quyết tâm của Ban lãnh đạo, sự hỗ trợ của quý đối tác, khách hàng đã tạo điều kiện để Vinasun vượt qua khó khăn và không phụ sự tin tưởng của quý cổ đông, các nhà đầu tư, Vinasun đã nỗ lực hoàn thành vượt mức các mục tiêu kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015. Kết quả hoạt động năm 2015 đã tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu của Vinasun với hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư và sự phát triển bền vững của Công ty, cụ thể như sau:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, HĐQT đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu theo tỷ lệ 100 CP được chia thêm 20 cổ phiếu, nâng tổng số cổ phiếu lên: 67.859.192.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh: tổng doanh thu kinh doanh và thu nhập khác đạt 4.428,87 tỷ vượt 9,53% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 328,26 tỷ vượt 23,4% so với kế hoạch.

Điểm nổi bật năm 2015, Vinasun đã nỗ lực, tập trung dồn sức đầu tư nghiên cứu triển khai toàn hệ thống Phần mềm quản lý điều hành Taxi Vinasun hiện đại, ứng dụng Vinasun App dựa trên thế mạnh công nghệ mở ra chiến lược mới trong cách tiếp cận khách hàng và những phương thức kinh doanh mới, mang lại sự thoải mái, an toàn cho mọi đối tượng khách hàng, tạo thêm nhiều tiện ích chăm sóc khách hàng; phục vụ tốt yêu cầu quản lý điều hành trong các hoạt động kinh doanh và hỗ trợ mạnh mẽ mang lại sự thành công, quyền lợi cho nhân viên lái xe.

Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu cơ bản về gia tăng thị phần, khách hàng, các điểm tiếp thị, đầu tư xe phát triển kinh doanh. Thực hiện tiết kiệm chi phí, thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đã tiếp tục chỉ đạo, xây dựng định hướng phát triển Công ty theo mô hình quản lý tập trung, nâng cao năng lực quản lý, minh bạch tài chính, thông tin chính xác, kịp thời. Hoạt động tài chính Công ty được

đánh giá minh bạch, lành mạnh và hoạt động hiệu quả. Nâng cao năng lực cạnh tranh toàn diện gắn chặt mục tiêu gia tăng giá trị cho đối tác và khách hàng.

Tất cả các kết quả thực hiện đều đã đi đúng định hướng phát triển chiến lược trung và dài hạn của Công ty đã được HĐQT đề ra và báo cáo Đại hội cổ đông, tiếp tục duy trì vị trí tiên phong trong lĩnh vực dịch vụ Taxi, khẳng định tính đúng đắn và thành công theo đúng mục tiêu của Vinasun phát triển ổn định và bền vững.

## **2. Đánh giá thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật, đã tổ chức thực hiện giám sát, lãnh đạo và quản lý theo sát các mục tiêu chiến lược mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty và các cổ đông, nhà đầu tư. Cùng với đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông và đối tác cũng như quyền lợi của người lao động, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Công ty, năm 2015 Vinasun đã đưa hoạt động kinh doanh và các giá trị văn hóa doanh nghiệp của Vinasun lên tầm cao mới với rất nhiều danh hiệu cao quý do các tổ chức uy tín trong và ngoài nước trao tặng.

Hội đồng quản trị đã phối hợp tích cực với Ban Kiểm soát duy trì tính an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của Vinasun. Các thành viên Hội đồng quản trị đã tích cực tham gia vào những hoạt động quan trọng về chính sách kinh doanh, về cơ chế hoạt động và một số vấn đề kinh doanh khác.

Hoạt động của Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn sát đúng; quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận cao của các cổ đông.

Việc công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ quy định về nội dung.

## **3. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý:**

HQĐT luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua Nghị quyết, Quyết định, các văn bản và cách thức chỉ đạo khác theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty và các qui chế quản trị Công ty đã ban hành.

HQĐT đã kịp thời đưa ra các quyết sách linh hoạt để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh và chiến lược phát triển đã đề ra, tham gia và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban điều hành hoặc những cuộc họp chuyên đề, đề án, dự án để trình Hội đồng quản trị. Đối với những vấn đề quan trọng, HĐQT đều tham khảo ý kiến của Ban điều hành trước khi quyết định để tạo sự thống nhất cao trong chủ trương và biện pháp thực hiện.

Ban điều hành đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Ban điều



hành luôn thể hiện trách nhiệm cao, tận tụy, thường xuyên chia sẻ thông tin, tổ chức họp giao ban tuần, tháng và đột xuất để bàn bạc, thảo luận, thống nhất các giải pháp - tổ chức thực hiện; từng thành viên luôn bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, cụ thể, quyết liệt, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD.

#### 4. Mục tiêu và kế hoạch 2016:

Dự báo năm 2016 nền kinh tế vẫn tiềm tàng những bất ổn, khó lường. Môi trường kinh doanh sẽ có nhiều tác động lớn do nhiều luật và quy định liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành các doanh nghiệp, đến hoạt động đầu tư và kinh doanh được ban hành và có hiệu lực. Việc hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu và rộng thông qua các hiệp định

thương mại tự do giữa Việt nam với các khối, các nền kinh tế lớn trên thế giới tiếp tục đặt ra nhiều thách thức về cạnh tranh.

Với mục tiêu chiến lược phát triển ổn định và bền vững gắn chặt tăng cường quản trị rủi ro, năm 2016 Công ty phấn đấu kế hoạch tổng doanh thu kinh doanh là **4.325 tỷ tăng 1,71 %** so với 2015; tổng lợi nhuận sau thuế đạt 264 tỷ. Cổ tức dự kiến là 20%.

Hội đồng quản trị xác định hướng hoạt động trong năm 2016 tập trung vào bám sát chuyển động kinh tế, tài chính, thị trường trong và ngoài nước, các bước điều chỉnh của Nhà nước để kịp thời tái cơ cấu tổ chức, nguồn lực, nhân sự, chính sách phù hợp:

- Tập trung triển khai chiến lược phát triển Vinasun và Phương án tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2016 - 2020, quyết tâm giữ vững và phát triển Vinasun vai trò hàng đầu Việt Nam. Nâng cấp hệ thống kết nối và quản lý taxi hiện đại để phát triển mô hình kinh doanh mới và phát triển địa bàn. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, phát triển và đảm bảo hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật triển khai hệ thống quản lý điều hành taxi Vinasun hiện đại.
- Kiểm soát chặt chẽ rủi ro trong hoạt động kinh doanh, tái cấu trúc nguồn vốn, tài chính, hoạt động đầu tư, dòng tiền nhằm bảo đảm an toàn tài chính cho Công ty và tối ưu hóa nguồn thu.
- Kiểm soát chặt chẽ chính sách chi tiêu, nâng cao hiệu suất làm việc của toàn bộ máy và nhân lực.
- Kiểm soát chất lượng dịch vụ gắn chặt nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hoàn thiện chính sách nhân sự, tăng cường đào tạo, huấn luyện về nghiệp vụ, kỹ năng phục vụ, đạo đức nghề nghiệp.
- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của ban điều hành. Duy trì tình hình tài chính lành mạnh, nghiên cứu và áp dụng các công cụ quản trị rủi ro tài chính.
- Tiếp tục duy trì các hoạt động xã hội, xây dựng hình ảnh văn hóa Vinasun chuyên nghiệp, hiện đại, kể vai sát cánh và hướng đến cộng đồng.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Thành viên Hội đồng Quản trị:

---

(Theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc Công bố Thông tin trên thị trường chứng khoán)

**Hiện nay, Hội đồng Quản trị có 7 Thành viên**

Họ Và Tên	Chức Danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
<b>Ông Đặng Phước Thành</b>	Chủ Tịch Hội Đồng Quản trị	22,19%
<b>Bà Đặng Thị Lan Phương</b>	Thành viên HĐQT Kiêm Tổng GĐ	0,023%
<b>Ông Trần Anh Minh</b>	Thành viên HĐQT Kiêm Phó Tổng GĐ	0,023%
<b>Ông Trương Đình Quý</b>	Thành viên HĐQT Kiêm Phó Tổng GĐ	0,009%
<b>Ông Tạ Long Hỷ</b>	Thành viên HĐQT Kiêm Phó Tổng GĐ	0,005%
<b>Ông Trần Văn Bắc</b>	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành	Đại diện cho Tổng công ty TM Sài Gòn (Satra) : 7,91%
<b>Ông Vũ Ngọc Anh</b>	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành	Đại diện cho Quỹ Đầu tư Việt Nam (VIF): 1,91%

**Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Năm 2015, Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng bằng nhiều hình thức để thực hiện các Nghị quyết Đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng; hoạch định chiến lược kinh doanh theo quý, năm; giải quyết các vấn đề phát triển thị trường, các định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh (chi tiết các cuộc họp được thể hiện trong Báo cáo quản trị Công ty năm 2014).

Qua các cuộc họp HĐQT các quyết định các vấn đề chính sau:

- Nội dung Đại hội cổ đông 2015. Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2015.
- Các quyết định quản lý điều hành công ty thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015.
- Các quyết định việc thanh toán cổ tức năm 2014 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015.
- Thông qua kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính các quý I, II, III, IV và năm 2015.
- Quyết định thông qua kết quả kinh doanh 2015, kế hoạch kinh doanh 2016, dự kiến phân phối lợi nhuận 2015 và các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên 2016.

**2. Thành viên Ban Kiểm soát:**

Họ Và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Bà Mai Thị Kim Hoàng	Trưởng Ban Kiểm soát	0,05%
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên Ban Kiểm soát	0%
Ông Huỳnh Văn Tương	Thành viên Ban Kiểm soát	0,009%

**- Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

- + Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, trên cơ sở các Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, mỗi thành viên chuyên trách những vấn đề phù hợp với kinh nghiệm, trình độ chuyên môn của từng thành viên nên đã thực hiện tốt trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ công ty.
- + Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng Quản trị. Giám sát việc thực hiện Điều lệ công ty, chỉ đạo và triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, của Hội đồng Quản trị. Xem xét việc quản trị, điều hành kinh doanh của Ban Tổng Giám Đốc. Kiểm tra định kỳ các hoạt động có liên quan, các báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và năm 2015. Kịp thời đóng góp các ý kiến cho Ban điều hành.

**- Báo cáo sự phối hợp hoạt động giữa ban kiểm soát với Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc và các cổ đông:**

- + Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ các thông tin và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán của công ty.
- + Thành viên Ban kiểm soát tham dự các phiên họp của Hội đồng Quản trị, theo sát các hoạt động của công ty và việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong quá trình làm việc, Ban kiểm soát duy trì sự độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình.
- + Hoạt động của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao.
- + Trong năm, Ban kiểm soát cũng chưa nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của công ty.

**- Việc chấp hành điều lệ và hoạt động của Hội đồng quản trị và ban tổng giám đốc:**

- + Qua công tác kiểm tra, giám sát Ban kiểm soát nhận thấy công ty đã tuân thủ điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

- + Trong năm, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 11 phiên họp, ban hành 11 nghị quyết. Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty. Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo thực hiện các giải pháp tài chính, triển khai và áp dụng linh hoạt giải pháp phần mềm ứng dụng để công ty chủ động hoạt động kinh doanh năm 2015 và trong những năm tới.
- + Ban Tổng Giám Đốc công ty triển khai kịp thời và điều hành hoạt động kinh doanh theo đúng Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Lãnh đạo công ty hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả, doanh thu tiếp tục tăng; hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Duy trì và thực hiện tốt các chế độ đối với người lao động.

### 3. Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát:

Căn cứ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015, mức thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát là 1,5% lợi nhuận sau thuế, căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2015 của Công ty Mẹ đã được kiểm toán, chi phí và thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát trong năm là 4.777.276.932 đồng. Sau khi trừ đi chi phí hoạt động và phân bổ 1 phần thù lao cho một số thành viên chủ chốt tham gia vào hoạt động điều hành của Công ty thì số thù lao phân bổ cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

	Số người	Số tiền
Hội đồng Quản trị	7	2.187.000.000 đ
Ban Kiểm soát	3	525.000.000 đ
<b>Tổng cộng</b>	<b>10</b>	<b>2.712.000.000 đ</b>

Bình quân chi phí hoạt động và thù lao cho mỗi thành viên HĐQT là 26.035.714 đồng/tháng và cho mỗi thành viên Ban Kiểm soát là: 14.583.333 đồng/tháng.

### 4. Giao dịch của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu đầu năm	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu cuối năm	Tỷ lệ %	Lý do
1	Quý Đầu tư VN	Thành viên Hội đồng Quản trị	6.252.727	11,06%	6.089.044	8,97%	Bán cổ phiếu

### 5. Quản trị rủi ro:

- 5.1 Rủi ro chiến lược: Là nhóm các rủi ro được quản lý nhằm đảm bảo công ty xây dựng được chiến lược và kế hoạch kinh doanh hợp lý, huy động và phân bổ nguồn lực tối ưu và đảm bảo công ty thích ứng được với sự thay đổi chính sách và môi trường kinh doanh.

- 5.2 Rủi ro hoạt động: Là nhóm các rủi ro liên quan đến việc xảy ra các thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do việc thiếu các quy trình, con người ... hoặc các nhân tố tác động từ bên ngoài làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các hoạt động kinh doanh.
- 5.3 Rủi ro tài chính: Là nhóm rủi ro liên quan đến các thiệt hại, thất thoát về tài chính, khả năng thanh toán các khoản nợ, quản lý tài sản.
- 5.4 Rủi ro tuân thủ: Là nhóm rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và các cam kết.

Năm 2015, hoạt động của Công ty đã được vận hành hiệu quả do xác định quản trị rủi ro là nhân tố then chốt trong quá trình hoạt động và phát triển của công ty. Đối với nhóm rủi ro chiến lược: Công ty đã phân tích, đánh giá các biến động về sự tham gia thị trường taxi của các công ty công nghệ nước ngoài, sự thay đổi chính sách quản lý trong quá trình hội nhập quốc tế để đề ra kế hoạch chiến lược ngắn hạn và dài hạn, tập trung nghiên cứu và áp dụng phần mềm kế nối khách hàng quản lý hiện đại trong kinh doanh và quản lý. Nhóm rủi ro hoạt động được quản lý, rà soát, kiểm tra và đánh giá thường xuyên, kịp thời phát hiện các vấn đề phát sinh và có biện pháp xử lý kịp thời. Đối với nhóm rủi ro Tài chính: Công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ các biến động của lãi suất ngân hàng, kiểm tra đối chiếu chặt chẽ các nguồn thu, thực hiện linh hoạt các công cụ tài chính nhằm đảm bảo tình hình tài chính của công ty luôn ổn định, an toàn cũng như đáp ứng được khả năng đầu tư phát triển. Trong năm 2015, Công ty không ghi nhận bất kỳ rủi ro trọng yếu nào trong nhóm rủi ro tuân thủ.

TP HCM, Ngày 12 tháng 04 năm 2016

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐANG THỊ LAN PHƯƠNG**

**Đính kèm:** Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2015 (E&Y Việt Nam)

# **Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

# Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 32

# Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001723, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 81/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay; cho thuê mặt bằng và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Phước Thành	Chủ tịch
Ông Trần Văn Bắc	Thành viên
Ông Tạ Long Hỷ	Thành viên
Bà Đặng Thị Lan Phương	Thành viên
Ông Trương Đình Quý	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Anh	Thành viên
Ông Trần Anh Minh	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Mai Thị Kim Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Tương	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thị Lan Phương	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Long Hỷ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thành Duy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Đăng Thư	Phó Tổng Giám đốc

bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2016

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Đặng Thị Lan Phương.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:  
Đặng Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

**Building a better  
working world**

Số tham chiếu: 61059820/17794878-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý cổ đông của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

*Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Yoong Chin Kang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1891-2013-004-1

Phạm Thị Cẩm Tú  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2266-2013-004-01

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>399.810.066.114</b>	<b>401.898.899.423</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>267.170.733.600</b>	<b>288.084.077.587</b>
111	1. Tiền		267.170.733.600	288.084.077.587
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>98.517.419.377</b>	<b>83.993.522.919</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	71.614.734.683	64.165.839.254
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.213.489.848	1.936.586.450
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	25.725.516.775	18.882.789.075
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(1.036.321.929)	(991.691.860)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>7.073.144.646</b>	<b>5.434.437.875</b>
141	1. Hàng tồn kho		7.073.144.646	5.434.437.875
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>27.048.768.491</b>	<b>24.386.861.042</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	27.048.768.491	24.322.135.691
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	64.725.351
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.382.737.054.014</b>	<b>2.033.622.079.089</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>599.900.000</b>	<b>517.900.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	599.900.000	517.900.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.253.872.957.636</b>	<b>1.962.981.433.534</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	2.031.313.651.153	1.792.669.761.032
222	Nguyên giá		3.545.733.820.410	3.114.723.448.350
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.514.420.169.257)	(1.322.053.687.318)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	9	222.512.084.254	170.218.283.581
225	Nguyên giá		264.259.999.952	222.760.543.383
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(41.747.915.698)	(52.542.259.802)
227	3. Tài sản vô hình	10	47.222.229	93.388.921
228	Nguyên giá		1.218.289.000	1.218.289.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.171.066.771)	(1.124.900.079)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>8.490.900.000</b>	<b>8.490.900.000</b>
231	1. Nguyên giá		8.490.900.000	8.490.900.000
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>24.605.672.730</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	24.605.672.730	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>95.167.623.648</b>	<b>61.631.845.555</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	93.167.623.648	60.531.845.555
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.000.000.000	1.100.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.782.547.120.128</b>	<b>2.435.520.978.512</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.347.085.440.842</b>	<b>1.133.242.092.848</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>624.525.080.638</b>	<b>533.347.544.453</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		39.902.201.825	19.907.793.316
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	758.439.119	5.616.859.403
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	60.314.514.379	50.624.564.000
314	4. Phải trả người lao động		32.375.195.495	52.019.887.473
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		29.929.376	14.497.561
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	95.121.314.632	78.032.413.495
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	351.449.634.341	287.587.983.547
	Trong đó:			
	- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả		351.449.634.341	287.587.983.547
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		44.573.851.471	39.543.545.658
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>722.560.360.204</b>	<b>599.894.548.395</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		1.179.679.210	738.394.771
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	176.438.663.547	150.241.456.869
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	544.942.017.447	448.914.696.755
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.435.461.679.286</b>	<b>1.302.278.885.664</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.435.461.679.286</b>	<b>1.302.278.885.664</b>
411	1. Vốn cổ phần	19.1	678.591.920.000	565.495.160.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		678.591.920.000	565.495.160.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	19.1	86.929.263.110	200.026.023.110
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	19.1	224.072.333.774	176.299.564.453
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.1	439.038.745.368	354.714.818.417
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		354.714.818.417	257.292.537.730
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		84.323.926.951	97.422.280.687
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		6.829.417.034	5.743.319.684
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.772.646.810.128</b>	<b>2.435.520.978.512</b>

Võ Việt Nga  
Người lập

Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	4.252.163.789.640	3.770.229.256.389
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21, 25	(3.607.586.781.433)	(3.141.541.191.052)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		644.577.008.207	628.688.065.337
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	9.417.958.880	7.700.361.176
22	5. Chi phí tài chính	22	(70.996.381.732)	(64.527.218.877)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	22	(70.995.059.123)	(64.526.293.336)
25	6. Chi phí bán hàng	23, 25	(189.320.808.709)	(150.732.428.993)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23, 25	(110.591.506.225)	(103.039.851.475)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		283.086.270.421	318.088.927.168
31	9. Thu nhập khác	24	145.172.184.920	91.174.390.318
32	10. Chi phí khác	24	(212.994.816)	(750.278.928)
40	11. Lợi nhuận khác	24	144.959.190.104	90.424.111.390
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		428.045.460.525	408.513.038.558
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.2	(99.599.358.214)	(95.229.175.481)
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	900.000.000	660.000.000
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		329.346.102.311	313.943.863.077
61	16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		328.260.004.961	312.993.675.083
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.086.097.350	950.187.994
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	19.4		3.968
71	19. Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu	19.4		3.968

Võ Việt Nga  
Người lập

Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng

Đặng Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>428.045.460.525</b>	<b>408.513.038.558</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8, 9, 10	456.446.087.873	390.176.594.717
03	Trích lập (hoàn nhập) dự phòng		44.630.069	(1.384.195.171)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(151.610.701.498)	(94.766.786.922)
06	Chi phí lãi vay	22	70.995.059.123	64.526.293.336
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>803.920.536.092</b>	<b>767.064.944.518</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(14.585.801.176)	89.673.565.817
10	Tăng hàng tồn kho		(1.638.706.771)	(268.190.312)
11	Tăng các khoản phải trả		1.710.753.624	18.414.605.860
12	Tăng chi phí trả trước		(35.362.410.893)	(56.891.867.136)
14	Tiền lãi vay đã trả		(70.362.200.238)	(64.074.185.647)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.2	(100.018.898.940)	(88.215.880.686)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		21.197.206.678	22.909.124.693
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(55.414.618.876)	(42.230.164.849)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>549.445.859.500</b>	<b>646.381.952.258</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(789.782.424.141)	(786.668.208.631)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		174.304.369.364	112.318.181.852
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.500.000.000
27	Lãi tiền gửi nhận được	20.2	9.403.824.804	7.696.674.278
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(606.074.229.973)</b>	<b>(665.153.352.501)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay nhận được		519.893.500.000	542.146.700.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(305.282.621.353)	(259.191.236.893)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(54.721.907.161)	(41.449.392.743)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ	19.2	(124.173.945.000)	(143.204.765.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>35.715.026.486</b>	<b>98.301.305.364</b>

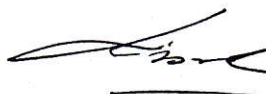
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(20.913.343.987)	79.529.905.121
60	Tiền đầu năm		288.084.077.587	208.554.172.466
70	Tiền cuối năm	4	267.170.733.600	288.084.077.587



Võ Việt Nga  
Người lập



Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001723, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 81/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có một công ty con, Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam ("ADX"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401378832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp vào ngày 10 tháng 9 năm 2010, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở chính của ADX đặt tại số 277, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nắm 90% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 17.047 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 15.990).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

*Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 30.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)**

*Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

**3.2 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hạch toán công cụ, dụng cụ với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.7 Tài sản vô hình**

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.8 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### ▶ Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

##### ▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích, (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.18 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

**3.19 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	12.155.585.867	19.494.074.196
Tiền gửi ngân hàng	255.015.147.733	268.590.003.391
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>267.170.733.600</b>	<b>288.084.077.587</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu khách hàng dùng thẻ taxi	56.549.126.681	50.085.351.794
Phải thu tài xế taxi về tiền thu khách vắng lại	14.404.473.383	13.343.981.218
Khác	661.134.619	736.506.242
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>71.614.734.683</b>	<b>64.165.839.254</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.036.321.929)	(991.691.860)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>70.578.412.754</b>	<b>63.174.147.394</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**

Tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	991.691.860	875.887.031
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	100.298.414	169.238.131
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(55.668.345)	(53.433.302)
Số cuối năm	<u>1.036.321.929</u>	<u>991.691.860</u>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>25.725.516.775</b>	<b>18.882.789.075</b>
Tạm ứng cho nhân viên	12.296.194.410	9.349.837.103
Thuế thu nhập cá nhân phải thu tài xế và nhân viên	7.547.616.385	3.676.027.396
Phải thu vé máy bay	1.916.066.479	1.709.096.322
Ký quỹ, ký cược	1.426.017.800	1.456.097.800
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phải thu tài xế và nhân viên	1.027.654.563	901.919.617
Khác	1.511.967.138	1.789.810.837
<b>Dài hạn</b>	<b>599.900.000</b>	<b>517.900.000</b>
Ký quỹ, ký cược	599.900.000	517.900.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>26.325.416.775</u></b>	<b><u>19.400.689.075</u></b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	<u>7.073.144.646</u>	<u>5.434.437.875</u>

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
				VND
Số đầu năm	711.376.164	3.113.055.886.667	956.185.519	3.114.723.448.350
Mua mới	3.826.466.000	640.737.206.818	43.250.000	644.606.922.818
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	92.828.725.258	-	92.828.725.258
Thanh lý	-	(306.425.276.016)	-	(306.425.276.016)
Số cuối năm	4.537.842.164	3.540.196.542.727	999.435.519	3.545.733.820.410
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	711.376.164	10.296.975.668	480.770.219	11.489.122.051
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Số đầu năm	701.573.753	1.320.716.071.475	636.042.090	1.322.053.687.318
Khấu hao trong năm	429.707.532	426.515.015.211	91.760.874	427.036.483.617
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	40.157.781.668	-	40.157.781.668
Thanh lý	-	(274.827.783.346)	-	(274.827.783.346)
Số cuối năm	1.131.281.285	1.512.561.085.008	727.802.964	1.514.420.169.257
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	9.802.411	1.792.339.815.192	320.143.429	1.792.669.761.032
Số cuối năm	3.406.560.879	2.027.635.457.719	271.632.555	2.031.313.651.153
Trong đó:				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 18)	-	1.255.484.343.724	-	1.255.484.343.724
Tài sản sử dụng để bảo lãnh thanh toán	-	69.367.833.933	-	69.367.833.933

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

VND

*Phương tiện vận tải*

**Nguyên giá:**

Số đầu năm	222.760.543.383
Thuê mới	134.328.181.827
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(92.828.725.258)
Số cuối năm	<u>264.259.999.952</u>

**Giá trị khấu hao lũy kế:**

Số đầu năm	52.542.259.802
Khấu hao trong năm	29.363.437.564
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(40.157.781.668)
Số cuối năm	<u>41.747.915.698</u>

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm	<u>170.218.283.581</u>
Số cuối năm	<u>222.512.084.254</u>

**10. TÀI SẢN VÔ HÌNH**

VND

*Phần mềm máy tính*

**Nguyên giá:**

Số đầu năm và số cuối năm	<u>1.218.289.000</u>
Trong đó: Đã hao mòn hết	1.088.289.000

**Giá trị hao mòn lũy kế:**

Số đầu năm	1.124.900.079
Hao mòn trong năm	46.166.692
Số cuối năm	<u>1.171.066.771</u>

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm	<u>93.388.921</u>
Số cuối năm	<u>47.222.229</u>

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất của lô đất tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và được nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá. Quyền sử dụng đất này không bị hao mòn do có thời gian sử dụng vô thời hạn.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, dựa vào điều kiện thị trường và vị trí của lô đất này, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị sổ sách vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phương tiện vận tải	24.605.672.730	-

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>27.048.768.491</b>	<b>24.322.135.691</b>
Bảo hiểm vật chất xe	12.361.938.277	10.042.341.030
Phí bảo trì đường bộ	5.032.057.415	3.691.126.335
Công cụ, dụng cụ đang dùng	705.140.875	709.040.055
Đồng phục	-	2.955.481.235
Khác	8.949.631.924	6.924.147.036
<b>Dài hạn</b>	<b>93.167.623.648</b>	<b>60.531.845.555</b>
Tiền thuê văn phòng trả trước	55.078.036.072	56.389.417.888
Công cụ, dụng cụ đang dùng	35.014.135.084	1.684.955.390
Phí bảo trì đường bộ	103.945.000	33.690.600
Chi phí nâng cấp, cải tạo văn phòng	1.827.511.882	678.781.716
Khác	1.143.995.610	1.744.999.961
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>120.216.392.139</b>	<b>84.853.981.246</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước để mua phương tiện vận tải	500.000.000	5.200.000.000
Khác	258.439.119	416.859.403
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>758.439.119</b>	<b>5.616.859.403</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26.2)	27.206.551.799	99.599.358.214	(100.018.898.940)	26.787.011.073
Thuế giá trị gia tăng	17.602.426.535	248.000.691.393	(240.074.296.996)	25.528.820.932
Thuế thu nhập cá nhân	5.815.585.666	9.452.155.998	(7.269.059.290)	7.998.682.374
Khác	-	50.266.913	(50.266.913)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>50.624.564.000</b>	<b>357.102.472.518</b>	<b>(347.412.522.139)</b>	<b>60.314.514.379</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	68.466.752.000	56.922.313.000
Phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát và quỹ khen thưởng vượt kế hoạch	15.798.385.046	11.773.820.209
Lãi vay	3.871.356.886	3.238.498.001
Bảo hiểm vật chất xe	3.841.616.543	3.222.880.938
Khác	3.143.204.157	2.874.901.347
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>95.121.314.632</b>	<b>78.032.413.495</b>

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	127.385.154.500	113.312.973.200
Nhận ký quỹ từ khách hàng	37.553.509.047	30.428.483.669
Dự phòng trợ cấp thôi việc	10.000.000.000	5.000.000.000
Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>176.438.663.547</b>	<b>150.241.456.869</b>

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn từ các ngân hàng (i)	755.433.374.820	644.255.196.173
Thuê tài chính (ii)	140.958.276.968	92.247.484.129
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>896.391.651.788</b>	<b>736.502.680.302</b>
Trong đó:		
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	351.449.634.341	287.587.983.547
- Vay từ các ngân hàng	300.493.215.209	247.310.144.527
- Nợ thuê tài chính	50.956.419.132	40.277.839.020
Nợ dài hạn	544.942.017.447	448.914.696.755

Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm như sau:

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng	644.255.196.173	416.460.800.000	(305.282.621.353)	755.433.374.820
Nợ thuê tài chính	92.247.484.129	103.432.700.000	(54.721.907.161)	140.958.276.968
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>736.502.680.302</b>	<b>519.893.500.000</b>	<b>(360.004.528.514)</b>	<b>896.391.651.788</b>

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(i) Vay dài hạn từ các ngân hàng

Nhóm Công ty vay các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để mua phương tiện vận tải cho việc kinh doanh dịch vụ taxi. Chi tiết các khoản vay dài hạn này được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm		Ngày đáo hạn	Lãi suất (một năm)	Hình thức đảm bảo
	Vay dài hạn đến hạn trả (đến ngày 31/12/2016)	Vay dài hạn			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	VND 116.758.980.000	VND 188.506.125.000	305.265.105.000	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 2,5%	1.015 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	76.751.583.454	127.384.596.669	204.136.180.123	Lãi suất cơ bản VND ba tháng + lãi biên độ từ 1,5% đến 2%	714 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	94.204.751.755	119.520.512.942	213.725.264.697	Lãi suất cơ sở + biên độ từ -0,6% đến -1%	916 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	6.938.100.000	6.845.775.000	13.783.875.000	Lãi suất tiền gửi + biên độ 3%	65 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	5.839.800.000	12.683.150.000	18.522.950.000	Lãi suất tiền gửi + biên độ 2,5%	55 xe
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>300.493.215.209</b>	<b>454.940.159.611</b>	<b>755.433.374.820</b>		

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(i) Vay dài hạn từ các ngân hàng (tiếp theo)

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn đến hạn trả như sau:

Diễn giải	2016				Tổng cộng
	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
Thanh toán	76.332.606.885	75.958.108.223	75.619.328.271	72.583.171.830	300.493.215.209

(ii) Thuế tài chính

Nhóm Công ty hiện đang phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		Nợ gốc
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	
Dưới 1 năm	60.320.116.194	9.363.697.062	46.842.322.054	6.564.483.034	40.277.839.020
Từ 1 - 5 năm	97.529.972.263	7.528.114.427	56.894.290.194	4.924.645.085	51.969.645.109
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>157.850.088.457</b>	<b>16.891.811.489</b>	<b>103.736.612.248</b>	<b>11.489.128.119</b>	<b>92.247.484.129</b>

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	434.998.180.000	330.523.003.110	130.633.266.982	257.292.537.730	1.153.446.987.822
Phát hành cổ phiếu phổ thông trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu					
Lợi nhuận thuần trong năm	130.496.980.000	(130.496.980.000)	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	45.666.297.471	312.993.675.083	312.993.675.083
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(45.666.297.471)	-
Thù lao của Hội đồng	-	-	-	(42.429.930.915)	(42.429.930.915)
Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(13.066.134.010)	(13.066.134.010)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(113.099.032.000)	(113.099.032.000)
Khác	-	-	-	(1.310.000.000)	(1.310.000.000)
Số cuối năm	565.495.160.000	200.026.023.110	176.299.564.453	354.714.818.417	1.296.535.565.980
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	565.495.160.000	200.026.023.110	176.299.564.453	354.714.818.417	1.296.535.565.980
Phát hành cổ phiếu phổ thông trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu (*)					
Lợi nhuận thuần trong năm	113.096.760.000	(113.096.760.000)	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	47.772.769.321	328.260.004.961	328.260.004.961
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(47.772.769.321)	-
Thù lao của Hội đồng	-	-	-	(44.516.028.679)	(44.516.028.679)
Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(14.524.896.010)	(14.524.896.010)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(135.718.384.000)	(135.718.384.000)
Khác	-	-	-	(1.404.000.000)	(1.404.000.000)
Số cuối năm	678.591.920.000	86.929.263.110	224.072.333.774	439.038.745.368	1.428.632.262.252



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(\*) Vào ngày 10 tháng 7 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 11.309.676 cổ phiếu phổ thông trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2015 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/QĐ-HĐQT.15 ngày 4 tháng 5 năm 2015. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 565.495.160.000 VND lên 678.591.920.000 VND và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo GCNĐKKD điều chỉnh ngày 6 tháng 7 năm 2015.

**19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu năm	565.495.160.000	434.998.180.000
Tăng trong năm	113.096.760.000	130.496.980.000
Số cuối năm	<u>678.591.920.000</u>	<u>565.495.160.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	135.718.384.000	113.099.032.000
Cổ tức đã trả	124.173.945.000	143.204.765.000

**19.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
<b>Cổ phiếu được phép phát hành</b>	67.859.192	678.591.920.000	56.549.516	565.495.160.000
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b> <i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	67.859.192	678.591.920.000	56.549.516	565.495.160.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	67.859.192	678.591.920.000	56.549.516	565.495.160.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.4 Lãi trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	326.856.004.961	311.683.675.083
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	<u>(44.516.028.679)</u>	<u>(42.429.930.915)</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>282.339.976.282</u>	<u>269.253.744.168</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (**)	<u>67.859.192</u>	<u>67.859.192</u>
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
<i>Lãi cơ bản và lãi suy giảm</i>	4.161	3.968 <sup>34</sup>

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2014 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2014 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2014.

(\*\*) Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh hồi tố để phản ánh việc phát hành 11.309.676 cổ phiếu vào ngày 10 tháng 7 năm 2015 từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm nào khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu thuần	<u>4.252.163.789.640</u>	<u>3.770.229.256.389</u>
Trong đó:		
<i>Cung cấp dịch vụ vận tải hành khách     bằng taxi</i>	4.234.240.129.456	3.745.978.777.715
<i>Bán bất động sản đầu tư</i>	-	10.000.000.000
<i>Khác</i>	17.923.660.184	14.250.478.674

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi	9.403.824.804	7.696.674.278
Khác	<u>14.134.076</u>	<u>3.686.898</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>9.417.958.880</b></u>	<u><b>7.700.361.176</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CÙNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	3.590.554.031.220	3.121.314.097.263
Giá vốn của bất động sản đầu tư	-	6.148.905.108
Khác	17.032.750.213	14.078.188.681
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.607.586.781.433</u></b>	<b><u>3.141.541.191.052</u></b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	70.995.059.123	64.526.293.336
Khác	1.322.609	925.541
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>70.996.381.732</u></b>	<b><u>64.527.218.877</u></b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>189.320.808.709</b>	<b>150.732.428.993</b>
Chi phí nhân viên	94.360.497.866	77.527.507.130
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.833.348	11.333.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.539.918.417	60.936.716.770
Khác	13.417.559.078	12.256.871.765
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>110.591.506.225</b>	<b>103.039.851.475</b>
Chi phí nhân viên	67.601.958.615	59.604.171.971
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.114.410.290	634.101.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.034.020.933	29.071.922.353
Khác	15.841.116.387	13.729.655.457
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>299.912.314.934</u></b>	<b><u>253.772.280.468</u></b>

**24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>145.172.184.920</b>	<b>91.174.390.318</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	142.206.876.694	87.070.112.644
Khác	2.965.308.226	4.104.277.674
<b>Chi phí khác</b>	<b>(212.994.816)</b>	<b>(750.278.928)</b>
Khác	(212.994.816)	(750.278.928)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>144.959.190.104</u></b>	<b><u>90.424.111.390</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên nhiên liệu	1.054.945.225.730	1.121.041.449.737
Chi phí nhân viên	2.155.373.447.188	1.675.232.334.313
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8, 9 và 10)	456.446.087.873	390.176.594.717
Chi phí dịch vụ mua ngoài	176.558.777.065	152.720.093.558
Khác	64.175.558.511	56.142.999.195
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.907.499.096.367</u></b>	<b><u>3.395.313.471.520</u></b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	99.505.579.914	94.726.525.481
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	93.778.300	502.650.000
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(900.000.000)	(660.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>98.699.358.214</u></b>	<b><u>94.569.175.481</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>428.045.460.525</b>	<b>408.513.038.558</b>
<b>Các điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán</b>		
Chi phí không được khấu trừ	19.252.629.995	19.062.077.268
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	5.000.000.000	3.000.000.000
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>452.298.090.520</b>	<b>430.575.115.826</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>99.505.579.914</b>	<b>94.726.525.481</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	93.778.300	502.650.000
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>99.599.358.214</b>	<b>95.229.175.481</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	27.206.551.799	20.193.257.004
Thuế TNDN đã trả trong năm	(100.018.898.940)	(88.215.880.686)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>26.787.011.073</b>	<b>27.206.551.799</b>

**26.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.000.000.000	1.100.000.000	900.000.000	660.000.000

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	4.261.990.000	3.865.040.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động chính hiện nay của Nhóm Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Và doanh thu của Nhóm Công ty chủ yếu là từ cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty hiện đang thuê một số văn phòng và xưởng sửa chữa xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	4.491.037.312	4.395.810.812
Từ 1 – 5 năm	6.356.439.744	7.718.495.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.847.477.056</b>	<b>12.114.306.312</b>

**30. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay. Chi tiết như sau:

	VND		
	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Số đầu năm (được phân loại lại)
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>			
Quỹ đầu tư phát triển	116.333.042.969	59.966.521.484	176.299.564.453
Quỹ dự phòng tài chính	59.966.521.484	(59.966.521.484)	-
Phải thu ngắn hạn khác	8.076.854.172	10.805.934.903	18.882.789.075
Tài sản ngắn hạn khác	10.805.934.903	(10.805.934.903)	-
Phải thu dài hạn khác	-	517.900.000	517.900.000
Tài sản dài hạn khác	517.900.000	(517.900.000)	-

	VND		
	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Năm trước (được phân loại lại)

<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT</b>			
Thu nhập khác	116.422.459.526	25.248.069.208	91.174.390.318
Chi phí khác	(25.998.348.136)	(25.248.069.208)	(750.278.928)
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	5.512	(1.544)	3.968

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Võ Việt Nga  
Người lập



Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

NG \* DN